

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP PVN

I. CÁC THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ KHCN ⁽¹⁾:
2. Nhiệm vụ KHCN độc lập;
 Thuộc Chương trình/Dự án KHCN ⁽²⁾:,
3. Thuộc loại nhiệm vụ KHCN:
 NV NCKH;
 NV TKTN;
 NV HT KHCN.
4. Thuộc lĩnh vực:
 Tìm kiếm, Thăm dò; Khoan-Khai thác;
 Hoá-Chế biến dầu khí; Sức khỏe, An toàn và Bảo vệ môi trường;
 Kinh tế-Quản lý dầu khí; Lĩnh vực khác:
5. Chủ nhiệm: Học hàm/học vị: Chức vụ công tác:
Điện thoại (Mobile): Email:
Tên tổ chức đang công tác:
Địa chỉ tổ chức:
6. Thư ký khoa học: Học hàm/học vị: Chức vụ công tác:
Điện thoại (Mobile): Email:
Tên tổ chức đang công tác:
Địa chỉ tổ chức:
7. Cơ quan quản lý: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Số 18, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
8. Đơn vị chủ trì ⁽³⁾:
9. Cơ quan phối hợp chính ⁽⁴⁾:
10. Thời gian thực hiện (tháng):
11. Kinh phí thực hiện: đồng, trong đó:
– Từ nguồn PVN cấp là: đồng;
– Từ nguồn khác: đồng.

12. Phương thức khoán chi:

Khoán đến sản phẩm cuối cùng

Khoán từng phần, trong đó:

Kinh phí khoán: đồng.

Kinh phí không khoán: đồng.

12. Thông tin về nhân lực ⁽⁵⁾:

– Số thành viên thực hiện:; Số cố vấn khoa học (CVKH): (nếu có);

– Số cộng tác viên (CTV): (nếu có); Số chuyên gia: (nếu có).

12. Xuất xứ ⁽⁶⁾:

[Cần ghi rõ xuất xứ của kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ mà tác giả sẽ sử dụng để triển khai thực nghiệm tạo ra sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu: (i) Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị (tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/ Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền); (ii) Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp); (iii) Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan); (iv) Sản phẩm khoa học và công nghệ khác]

.....
.....
.....

II. PHẠM VI CÔNG VIỆC / ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

(Phụ lục 1 của Quyết định phê duyệt NV KHCN và/hoặc Hợp đồng KHCN)

A. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Mục tiêu nghiên cứu:

[Cần nêu ngắn gọn, bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo yêu cầu tại Phiếu đặt hàng nhiệm vụ - đối với NV TKTN thì mục tiêu phải được cụ thể về trình độ công nghệ và quy mô của sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu được tạo ra]

.....

.....

.....

2. Tình trạng đề tài:

Mới;

Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả;

Kế tiếp nghiên cứu của người khác.

3. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu nghiên cứu:

3.1. Ngoài nước:

[(i) Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài;

(ii) Nếu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những công trình nghiên cứu và kết quả nghiên cứu nêu trong phân tích (i) ở trên]

.....

.....

.....

3.2. Trong nước:

[(i) Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện;

(ii) Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện của PVN, hoặc ở cấp khác, hoặc ở nơi khác (chẳng hạn các đơn vị trong PVN) thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này;

(iii) Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó]

.....

.....

.....

3.3. Luận giải về mục tiêu nghiên cứu của nhiệm vụ:

[Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước nêu tại mục a) và b) ở trên, trong phần này cần luận giải: (i) đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết; (ii) cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới; (iii) nêu bật được sự cần thiết, tính cấp thiết phải thực hiện nhiệm vụ và (iii) những lợi ích mà kết quả thực hiện NV KHCN mang lại; (vi) đối với NV TKTN: cần làm rõ thêm về

công nghệ lựa chọn của NV TKTN (Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, tính khả thi triển khai thực nghiệm để tạo ra sản phẩm công nghệ mới dạng mẫu]

.....

.....

.....

4. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:

[Liệt kê danh mục: tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố; chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn trong phần 3) nêu trên, đặc biệt là đối với những tài liệu mà các tác giả đã sử dụng nhằm luận giải cho mục tiêu nghiên cứu của nhiệm vụ]

.....

.....

.....

5. Nội dung NV KHCN:

5.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ là xuất xứ của NV KHCN, phân tích những vấn đề về công nghệ mà NV KHCN cần giải quyết (chỉ yêu cầu đối với NV TKTN):

.....

.....

.....

5.2. Liệt kê các nội dung nghiên cứu, phát triển công nghệ/triển khai thực nghiệm của NV KHCN:

[Liệt kê và mô tả từng nội dung nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ/triển khai thực nghiệm rõ ràng (danh mục công việc nghiên cứu) bao gồm các công việc cụ thể, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu NV KHCN đề ra theo đặt hàng; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục II.A.10.]

| TT | Nội dung | Mô tả | Ghi chú |
|-------------|-------------------|--------------|----------------|
| 5.1. | Nội dung 1 | | |
| 5.1.1 | Công việc 1 | | |
| 5.1.2 | Công việc 2 | | |
| | | | |
| 5.2. | Nội dung 2 | | |
| 5.2.1 | Công việc 1 | | |
| 5.2.2 | Công việc 2 | | |
| | | | |
| 5.3. | | | |

[Lưu ý: Nhu cầu về nhân lực (Thành viên, Cố vấn và Công tác viên) để thực hiện NV KHCN sẽ kê khai tại mục II.C.1 cần phải được đối chiếu một cách tương ứng và phù hợp với từng nội dung nghiên cứu được kê khai tại mục này; Các hoạt động (khảo sát, hội thảo,...) phục vụ nội dung nghiên cứu của NV KHCN (nếu có) sẽ kê khai tại mục II.A.6; Các nội dung thuê chuyên gia trong và ngoài nước thực hiện nhiệm vụ nếu có sẽ được kê khai tại mục II.A.10]

6. Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ:

[Yêu cầu giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài nếu có]

| TT | Nội dung | Mô tả |
|-----|--|--|
| 1 | Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu | [Giải trình nhu cầu về tài liệu phục vụ nội dung nghiên cứu nếu có (Mua/Biên dịch/Phô tô)] |
| 2 | Hội thảo khoa học | [Kê khai các hoạt động Hội thảo cần thiết phục vụ cho nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ (liệt kê các hội thảo: chủ đề, mục đích, yêu cầu, địa điểm dự kiến, số báo cáo viên và số thành viên tham dự)] |
| 3 | Khảo sát/điều tra thực tế trong nước | [Giải trình nhu cầu về khảo sát/điều tra thực tế ở trong nước (trình bày sự cần thiết, quy mô (số người tham gia), mục đích/yêu cầu, địa điểm, thời gian, phương án và nội dung khảo sát và kết quả đạt được...)] |
| 4 | Khảo sát nước ngoài | [Giải trình nhu cầu về khảo sát nước ngoài (trình bày sự cần thiết, quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, thời gian, nơi đi, phương án và nội dung khảo sát và dự kiến kết quả đạt được...)] |
| ... | | |

7. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng: ...

[Mô tả tóm tắt cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu; luận cứ rõ phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của NV KHCN; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt, tính mới, tính sáng tạo của phương pháp và kỹ thuật sử dụng của NV NCKH]

7.1. Cách tiếp cận:

.....
.....
.....

7.2. Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

.....
.....
.....

7.3. Tính ưu việt, tính mới, tính sáng tạo:

.....
.....
.....

8. Phương án triển khai thực nghiệm (yêu cầu làm rõ đối với NV TKTN):

8.1. Phương án tổ chức thực hiện:

[Làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ đảm bảo đạt được các mục tiêu trong NV KHCN: Kế hoạch/phương án bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, ...]

.....
.....
.....

8.2. Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai NV TKTN:

[Địa điểm thực hiện TKTN (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai NV TKTN); Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai NV TKTN; Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình TKTN, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài...); Nhân lực cần cho triển khai: số cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện NV TKTN...; Vấn đề đảm bảo môi trường trong quá trình TKTN (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai TKTN và giải pháp khắc phục)]

.....
.....
.....

9. Phương án phối hợp trong nước và nước ngoài (nếu có):

[Trình bày phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện NV KHCN và nội dung công việc tham gia, kể cả các cơ sở sản xuất, những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, hạ tầng nếu có]

.....
.....
.....

10. Phương án hợp tác về khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài (đối với NV HT KHCN):

[Trình bày rõ phương án hợp tác: tên đối tác hợp tác, thông tin tóm tắt về đối tác (có kiểm chứng), nêu rõ các đầu mối liên hệ của đối tác hợp tác; nội dung đã hợp tác (đối với đối tác đã có hợp tác từ trước); tóm tắt nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ NV NCKH; phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của nhiệm vụ KHCN; hình thức thực hiện hợp tác ⁽⁷⁾]

.....

.....

.....

11. Phương án thuê chuyên gia (nếu có):

11.1. Thuê chuyên gia trong nước:

| TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện | Giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) |
|------|----------------------------|---------------|---------------------|--------------------|---------------------------|-------------------------------------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| | | | | | | |

11.2. Thuê chuyên gia nước ngoài:

| TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Quốc tịch | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện | Giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) |
|------|----------------------------|-----------|---------------|---------------------|--------------------|---------------------------|-------------------------------------|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| | | | | | | | |

12. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện NV KHCN (nếu có):

[Căn cứ quy định của nhà nước và PVN: Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 1/9/2015; Quy chế trích lập và quản lý Quỹ PT KHCN của Tập đoàn ban hành theo quyết định số 816/QĐ-DKVN ngày 21/02/2020]

12.1. Phương án trang bị tài sản:

[Xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa việc mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d]

- a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài [*nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d*]:

.....

- b. Điều chuyển thiết bị máy móc:

.....

- c. Thuê thiết bị máy móc:

| TT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật | Thời gian thuê |
|----|------------------|------------------------------|----------------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |

- d. Mua sắm mới thiết bị máy móc ⁽⁸⁾:

| TT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật |
|----|------------------|------------------------------|
| 1 | | |
| 2 | | |

12.2. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện NV KHCN: (hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

.....

B. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Sản phẩm KH&CN và yêu cầu khoa học đối với sản phẩm của NV KHCN

1.1. Sản phẩm chính của NV KHCN:

- a) **Dạng I:** [*Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Thông số và Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình/dây chuyền công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích, đánh giá; Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Sản phẩm công nghệ mẫu (yêu cầu đối với NV TKTN) và các sản phẩm khác*]

| TT | Tên sản phẩm | Yêu cầu khoa học và công nghệ | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------------------|---------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| ... | | | |

b) Dạng II: [Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác]

| TT | Tên sản phẩm | Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản) | Ghi chú |
|-----|--------------|---|---------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| ... | | | |

1.2. Trình độ khoa học của sản phẩm KH&CN (Dạng I & II) so với các sản phẩm tương tự hiện có: [Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài]

.....
.....
.....

1.3. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học:

| TT | Cấp đào tạo | Số lượng | Chuyên ngành đào tạo | Ghi chú |
|----|-------------|----------|----------------------|---------|
| | Thạc sỹ | | | |
| | Tiến sỹ | | | |

1.4. Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ:

.....
.....
.....

2. Khả năng ứng dụng, phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu

2.1. Khả năng về thị trường: [Phân tích, làm rõ nhu cầu thị trường, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; các điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm NV KHCN vào sản xuất thử nghiệm (đối với NV TKTN) hoặc và để đưa ra thị trường như thế nào]

.....
.....
.....

2.2. Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào SXKD: [Khả năng sản xuất thử nghiệm (đối với NV TKTN), khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm...]

.....
.....
.....

2.3. Khả năng chuyển giao ứng dụng sản phẩm: [Nêu rõ sản phẩm, kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của các phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu. Đối với NV TKTN cần thiết phải làm rõ khả năng chuyển giao bước tiếp theo là sản xuất thử nghiệm hoặc khả năng sản xuất công nghiệp, chuyển giao ứng dụng vào trong môi trường SXKD....]

.....
.....
.....

3. Phạm vi và địa chỉ dự kiến ứng dụng kết quả nghiên cứu của NV KHCN:

.....
.....
.....

4. Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

4.1. Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan: *[Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế]*

.....
.....
.....

4.2. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả NV KHCN:

.....
.....
.....

4.3. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường: *[Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường]*

.....
.....
.....

5. Bố cục của Báo cáo tổng kết NV KHCN (dự kiến sơ lược):

.....
.....
.....

6. Yêu cầu đặc biệt của NV KHCN (nếu có): *[Là những nội dung như: vấn đề bảo mật, bí mật tài liệu; sự cần thiết phải trang bị mới về phương tiện máy móc, thiết bị; trang bị/xây dựng phần mềm chuyên dụng, ... đều cần phải làm rõ tại mục này nhằm thuyết minh cho nội dung dự toán kinh phí có liên quan]*

.....
.....
.....

C. NGUỒN LỰC VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Dự kiến phân công công việc:

1.1. Chủ nhiệm, thư ký và các thành viên của NV KHCN:

| TT | Họ và tên | Chức danh trong NV KHCN | Nhiệm vụ được giao ⁽⁹⁾ (theo mục II.A.5) | Thời gian thực hiện (tháng) |
|-----|--------------|-------------------------|--|--------------------------------|
| 1 | Nguyễn Văn A | Chủ nhiệm | | |
| 2 | | Thư ký | | |
| ... | | Thành viên | | |

1.2. Cố vấn khoa học (CVKH) và Cộng tác viên (CTV):

| TT | Họ và tên | Chức danh trong NV KHCN | Nhiệm vụ tham gia ⁽⁹⁾ (theo mục II.A.5) | Thời gian thực hiện (tháng) |
|-----|--------------|-------------------------|--|-----------------------------|
| 1 | Nguyễn Văn A | CVKH | | |
| 2 | | CTV | | |
| ... | | | | |

2. Tiến độ thực hiện:

| TT | Nội dung công việc | Tiến độ triển khai | | | Người chịu trách nhiệm chính ⁽¹⁰⁾ |
|----------|--------------------|--------------------|---------|----------|--|
| | | Thời gian (tháng) | Bắt đầu | Kết thúc | |
| 1 | Nội dung 1 | | | | |
| 1.1 | Công việc 1 | | | | |
| .. | | | | | |
| 2 | Nội dung 2 | | | | |
| 2.1 | Công việc 1 | | | | |
| ... | | | | | |

3. Dự toán kinh phí ⁽¹¹⁾: đồng ([bằng chữ])

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___
ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
 (Ký tên, đóng dấu)

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___
CHỦ NHIỆM
 (ký tên)

Ghi chú:

- (1) Tên NV KHCN ghi đúng theo Quyết định phê duyệt Kế hoạch NCKH năm. Việc thay đổi tên nhiệm vụ sẽ được xem xét/thảo luận và quyết định tại cuộc họp xem xét Thuyết minh NV KHCN của Hội đồng xét chọn/tuyển chọn;
- (2) Trong trường hợp không phải là Nhiệm vụ NCKH độc lập, thì ghi rõ tên Chương trình/Dự án KHCN kèm theo số Quyết định phê duyệt Chương trình/Dự án KHCN của cấp có thẩm quyền;

- (3) Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, Fax;
- (4) Đối với mỗi đơn vị/cơ quan phối hợp chính ghi rõ: tên bộ phận, tên cơ quan, địa chỉ, điện thoại, Fax;
- (5) Thông tin nhân sự cụ thể được cung cấp thành bảng riêng (xem mẫu kèm theo);
- (6) Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp NV KHCN thuộc loại NV TKTN, thông tin xuất xứ cần phải được làm rõ, là cơ sở KH&CN để từ đó các tác giả NV KHCN tiến hành tạo ra sản phẩm mới về KHCN ở dạng mẫu;
- (7) Hình thức hợp tác về KHCN đối với nhiệm vụ hợp tác về KHCN được quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 10 của Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/06/2016 của liên Bộ KH&CN và Bộ Tài chính.
- (8) Hạn chế tối đa việc mua máy móc, thiết bị mới (tài sản) phục vụ cho từng NV KHCN, trong trường hợp cần thiết phải trang bị, cần có báo cáo giải trình bổ sung và được sự chấp thuận của Tổng giám đốc PVN về chủ trương.
- (9) Trong phần II.A.5 đã ghi rõ và mô tả yêu cầu từng Nội dung/Công việc và được lập dưới dạng danh mục có đánh số chỉ mục (chẳng hạn: 5.1 - Nội dung 1; 5.1.1 - Công việc 1 của Nội dung 1), do vậy dự kiến bảng phân công công việc cho các thành viên chỉ cần ghi số thứ tự Nội dung/Công việc (nếu cần thiết thì bổ sung vào cột diễn giải); Ngoài ra, đối với chức danh Chủ nhiệm và Thư ký của NV KHCN - cần ghi rõ phân công công việc trong NV KHCN đảm bảo các quy định tại Điều 12 và Điều 13 cho 2 chức danh này.
- (10) Chỉ nêu người chịu trách nhiệm chính (nhóm trưởng);
- (11) Chỉ nêu tổng kinh phí của NV NCKH, diễn giải tổng dự toán kinh phí của NV KHCN thực hiện theo quy định tại mục III. DỰ TOÁN KINH PHÍ, lưu ý:
 - Phần diễn giải tách thành phụ lục riêng (mẫu kèm theo);
 - Nếu có nhu cầu ngoại tệ cần ghi tổng kinh phí, trong đó ngoại tệ là: _____ USD;
 - Nếu sử dụng nhiều nguồn kinh phí, cần ghi tổng kinh phí sau đó ghi riêng giá trị phần PVN cấp từ Quỹ Phát triển KHCN của PVN, phần đơn vị tự cân đối, phần hỗ trợ từ các nguồn khác ...

[Đơn vị chủ trì và Chủ nhiệm có thể tham khảo Biểu B1-2a-TMĐTCN đính kèm Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/06/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ để xây dựng và diễn giải chi tiết Thuyết minh NV KHCN, nhưng phải đảm bảo ngắn gọn, rõ ràng và cung cấp tối thiểu các thông tin yêu cầu]

III. DỰ TOÁN KINH PHÍ

(Phụ lục 2 của Quyết định phê duyệt NV KHCN và/hoặc Hợp đồng KHCN)

| TT | Nội dung công việc | Thành tiền (VNĐ) |
|--------------------------|--|------------------|
| CHI PHÍ TRỰC TIẾP | | |
| I | Chi phí nhân công | |
| 1 | - Chi phí nhân công (*) | |
| 2 | - Bồi dưỡng độc hại (nếu có): | |
| II | Chi phí lập đề cương nghiên cứu | |
| III | Thù lao | |
| 1 | - Thù lao cộng tác viên (*): | |
| 2 | - Thù lao cố vấn khoa học (*) | |
| 3 | - Thù lao chuyên gia trong nước (*) | |
| 4 | - Thù lao nhận xét, đánh giá phản biện Cấp I: 2 người x ????????? đ/người | |
| 5 | - Thù lao nhận xét, đánh giá phản biện Cấp II: 2 người x ????????? đ/người | |
| 6 | - Cập nhật cơ sở dữ liệu NCKH | |
| IV | Chi phí công tác thực hiện đề tài/nhiệm vụ (kèm theo chi tiết) | |
| 1 | - Vé máy bay đi công tác | |
| 2 | - Taxi đưa/đón (theo chuyến bay) | |
| 3 | - Thuê xe ô tô đi công tác (trước thuế), thuê xe đi lại tại nơi công tác | |
| 4 | - Thuê khách sạn, nhà nghỉ (trước thuế) | |
| 5 | - Công tác phí/phụ cấp lưu trú | |
| 6 | - Bồi dưỡng đi thực địa (nếu có) | |
| V | Chi phục vụ nghiên cứu | |
| 1 | - Văn phòng phẩm chuyên dụng (*) | |
| 2 | - Vật tư (*) | |
| 3 | - Dụng cụ rẻ tiền, mau hỏng (*) | |
| 4 | - Phân tích mẫu (*) | |
| 5 | - Hoá chất (*) | |

| | | |
|------------|--|--|
| 6 | - Bảo hộ lao động (*) | |
| 7 | - Thuê khoán (trước thuế) (*) | |
| VI | In ấn, hoàn thiện báo cáo, sao đĩa | |
| VII | Hội thảo, Hội họp | |
| 1 | - Hội thảo (*) | |
| 2 | - Duyệt đề cương, nghiệm thu (cấp I): 2 lần x | |
| 3 | - Duyệt đề cương, nghiệm thu (cấp II): 2 lần x | |
| A | CHI PHÍ KHOẢN (I+II+III+IV+V+VI+VII) | |
| B | CHI PHÍ KHÔNG KHOẢN, CHI PHÍ KHÔNG CÓ ĐỊNH MỨC | |
| 1 | - Khảo sát nước ngoài (*) | |
| 2 | - Thuê chuyên gia nước ngoài (*) | |
| 3 | - Thuê phần mềm chuyên dụng (*) | |
| 4 | - Mua phần mềm chuyên dụng (*) | |
| 5 | - Lập trình xây dựng phần mềm chuyên dụng (*) | |
| 6 | - Thuê máy móc, thiết bị (*) | |
| 7 | - Mua mới máy móc, thiết bị (*) | |
| 8 | - Chi phí thu thập tài liệu (*) | |
| 9 | - Mua tài liệu (*) | |
| C | CHI PHÍ QUẢN LÝ: XX % (A+B) (**) | |
| 1 | - Quản lý phí của chi phí khoán: XX% (<i>[Tổng các hạng mục trong A]</i>) | |
| 2 | - Quản lý phí của chi phí không khoán: XX% (<i>[Tổng các hạng mục trong B]</i>) | |
| D | THUẾ GTGT: YY% * (A+B) (**) | |
| 1 | Thuế GTGT chi phí khoán: YY% (<i>[Tổng các hạng mục trong A]</i>) | |
| 2 | Thuế GTGT chi phí không khoán: YY% (<i>[Tổng các hạng mục trong B]</i>) | |
| E | TỔNG CHI PHÍ THỰC HIỆN NV KHCN: (A+B+C+D) | |
| 1 | Tổng chi phí khoán (A+C1+D1) | |
| 2 | Tổng chi phí không khoán (B+C2+D2) | |

Ghi chú:

- (*) *Lập thành bảng riêng và đánh số thứ tự Bảng 1/PL2, Bảng 2/PL2, Bảng 3/PL2,...*
- (**) *XX: Theo mức do Hội đồng thành viên PVN phê duyệt, có thể thay đổi theo từng giai đoạn.*
YY: Theo quy định của Nhà nước/Bộ Tài chính.
- (***) *Tất cả các chế độ, đơn giá, định mức... phải theo qui định của nhà nước và PVN; Những hạng mục chưa có qui định, Chủ nhiệm tự đề xuất và Hội đồng XDNT sẽ xem xét, quyết định.*
-

CÁC BẢNG MẪU**THÔNG TIN NHÂN SỰ**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức vụ, đơn vị công tác | Chuyên môn gốc được đào tạo | Năm tốt nghiệp | Số năm công tác trong lĩnh vực của NV này | Chức danh dự kiến tham gia trong NV này | Lương cơ bản | Ghi chú |
|----|-----------|-----------------|--------------------------|-----------------------------|----------------|---|---|--------------|---------|
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |